

Bản án số: 1167/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhung.

2/ Ông Bùi Quang Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 728/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 205A A1, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1979.

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: 5648 N, USA.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/11/2016 và bản tự khai ngày 15/7/2017 nguyên đơn ông Nguyễn Đức N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng Y tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc ở Việt Nam đến tháng 7 năm 2014 thì bà Y cùng hai con sang Hoa Kỳ thăm ông đang được công ty cho đi đào tạo ở Hoa Kỳ, đến năm 2015 thì ông trở về Việt Nam còn bà Y và hai con tiếp tục ở lại Hoa Kỳ học tập. Từ khi vợ chồng mỗi người một nơi thì tình cảm có nhiều đổi thay, lúc đầu ông và bà Y còn liên lạc với nhau nhưng sau đó thưa dần và đã hơn 15 tháng nay thì hai vợ chồng ông không còn liên lạc với nhau. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Y để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Y có 02 con chung tên Nguyễn Đức Nguyên A sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Đức N Nguyên sinh ngày 15/4/2012. Ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con thì ông và bà Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/5/2017 đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ hợp pháp hóa lãnh sự ngày 08/5/2017, bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày như sau: Bà và ông Nguyễn Đức N kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc ở Việt Nam đến năm 2014 bà cùng ông N sang Hoa Kỳ, đến năm 2015 ông N trở về Việt Nam làm việc còn bà vẫn tiếp tục ở lại Hoa Kỳ học tập. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Đức N để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Nguyễn Đức N có 02 con chung tên Nguyễn Đức Nguyên A sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Đức Ngọc N sinh ngày 15/4/2012. Bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng do bà và ông N tự thỏa thuận, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 15/7/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Đức N có đơn xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử ly hôn.

Ngày 02/5/2017, bà Nguyễn Thị Hoàng Y có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y đang cư ngụ hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức N nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2005 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì mâu thuẫn của hai vợ chồng là do mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay ông Nguyễn Đức N đã về Việt Nam sinh sống, còn bà thì sống ở Hoa Kỳ. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông Nguyễn Đức N ly hôn bà Nguyễn Thị Hoàng Y là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Hoàng Y thống nhất giao con chung tên Nguyễn Đức Nguyên A sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Đức Ngọc N sinh ngày 15/4/2012 cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo nguyện vọng của trẻ Nguyễn Đức Nguyên A ngày 09/12/2016 là muốn ở với mẹ để ổn định cho việc học tập của trẻ. Việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con chung cho ông N đến khi bà Y có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức N.

Quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/8/2005 không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức Nguyên A sinh ngày 20/3/2007 và Nguyễn Đức Ngọc N sinh ngày 15/4/2012 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi con đã thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi bà Y có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức N phải chịu số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031718 ngày 16/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Nguyễn Đức N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Nguyễn Thị Hoàng Y thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND Phường B, quận C, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

